



HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI TRÊN CHỈ SỐ VN30

STT	Đặc điểm	Quy định
1	Tên Hợp đồng	Hợp đồng tương lai trên chỉ số VN30
2	Mã hợp đồng	VN30Fyymm Chỉ
3	Tài sản cơ sở	số VN30
4	Quy mô hợp đồng	100.000 đồng * (điểm chỉ số VN30 tương lai)
5	Hệ số nhân hợp đồng	100.000 đồng
6	Tháng đáo hạn	Tháng hiện tại, tháng kế tiếp, hai tháng cuối 02 quý tiếp theo
7	Phương thức giao dịch	Phương thức khớp lệnh và Phương thức thỏa thuận
8	Thời gian giao dịch	Mở cửa: trước thị trường cơ sở 15 phút Đóng cửa: kết thúc cùng thị trường cơ sở
9	Biên độ dao động giá	+/-7%
10	Bước giá /Đơn vị yết giá	0,1 điểm chỉ số (tương đương 10.000 đ)
11	Đơn vị giao dịch	01 hợp đồng
12	Ngày giao dịch cuối cùng	Ngày thứ Năm thứ ba trong tháng đáo hạn, trường hợp trùng ngày nghỉ sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước đó
13	Ngày thanh toán cuối cùng	Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng
14	Phương thức thanh toán	Thanh toán bằng tiền
15	Phương pháp xác định giá thanh toán hàng ngày	Theo quy định của VSD
16	Phương pháp xác định giá thanh toán cuối cùng	Là giá trị trung bình số học giản đơn của chỉ số trong 30 phút cuối cùng của ngày giao dịch cuối cùng (bao gồm 15 phút khớp lệnh liên tục và 15 phút khớp lệnh định kỳ đóng cửa), sau khi loại trừ 3 giá trị chỉ số cao nhất và 3 giá trị chỉ số thấp nhất của phiên khớp lệnh liên tục
17	Giá tham chiếu	Giá thanh toán cuối ngày của ngày giao dịch liền trước hoặc giá lý thuyết (trong ngày giao dịch đầu tiên)
18	Giới hạn vị thế	Số lượng HĐTL tối đa được nắm giữ trên 01 tài khoản: NĐT chứng khoán chuyên nghiệp (20.000), NĐT tổ chức (10.000), NĐT cá nhân (5.000)
19	Mức ký quỹ	Tỷ lệ ký quỹ ban đầu: 10%
20	Ngày niêm yết	Khi ra mắt hợp đồng
21	Giới hạn lệnh	500 hợp đồng/lệnh